

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

MÃ MÔN:

TÊN MÔN:

Ngày thi: 28/12/2012

BẢNG GHI ĐIỂM N17KDN
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ

STA 2271

Tín chỉ: 2

Học kì: 2

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
(1)	(2)	(3)			1	1			(10)				
1	1713219820	Cung Đình An	N17KDN1	8	8.5	9.5			9.0	9.2	9.0	Chín	
2	1713219821	Lê Đình An	N17KDN1	8	7.5	9			8.3	7.8	8.0	Tám	
3	1712219828	Nguyễn Văn Anh	N17KDN1	10	9	9			9.0	9	9.1	Chín phẩy Một	
4	1712219829	Trần Thị Bé	N17KDN1	8	6.5	8			7.3	8.3	8.0	Tám	
5	1712219834	Nguyễn Thị Thủy	N17KDN1	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
6	1713219835	Lê Hùng Cường	N17KDN1	8	6	9.5			7.8	5.7	6.6	Sáu phẩy Sáu	
7	1712219841	Hồ Thị Dung	N17KDN1	10	8	10			9.0	6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
8	1712219840	Đậu Thị Thủy	N17KDN1	10	7.5	9.5			8.5	8.4	8.6	Tám phẩy Sáu	
9	1712219844	Mai Thị Dương	N17KDN1	8	7.5	9.5			8.5	8.7	8.6	Tám phẩy Sáu	
10	1712219847	Cao Thị Minh	N17KDN1	9	5	10			7.5	8.1	8.0	Tám	
11	1712219851	Lê Nguyễn Mỹ Hạnh	N17KDN1	10	9.5	9			9.3	8.8	9.1	Chín phẩy Một	
12	1713219852	Trần Hữu Hậu	N17KDN1	6	8	7			7.5	7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
13	1712219857	Vương Thị Yến Hồng	N17KDN1	9	4	9.5			6.8	8.4	8.0	Tám	
14	1713219864	Trần Văn Lộc	N17KDN1	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
15	1713219869	Nguyễn Anh Minh	N17KDN1	9	8.5	8.5			8.5	8.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
16	1713219874	Nguyễn Nghiêm Đại Nghĩa	N17KDN1	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
17	1712219877	Phạm Thị Hồng Nhung	N17KDN1	9	8.5	8.5			8.5	9	8.9	Tám phẩy Chín	
18	1712219878	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	N17KDN1	6	5	5.5			5.3	7.2	6.5	Sáu phẩy Năm	
19	1713219879	Phạm Thanh Phong	N17KDN1	10	8.5	9			8.8	6.9	7.8	Bảy phẩy Tám	
20	1712214750	Lê Văn Thiện Phước	N17KDN1	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
21	1712219882	Tạ Nhật Minh Phương	N17KDN1	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
22	1712219886	Nguyễn Thị Ánh Sáng	N17KDN1	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
23	1713219889	Đinh Chí Thảo	N17KDN1	7	8.5	9			8.8	6.6	7.3	Bảy phẩy Ba	
24	1712219897	Phạm Thị Anh Thương	N17KDN1	9	6.5	8.5			7.5	6.2	6.9	Sáu phẩy Chín	
25	1712219900	Cao Thị Thanh Thủy	N17KDN1	10	9	10			9.5	8.4	8.9	Tám phẩy Chín	
26	1712219903	Hồ Thị Thủy Tiên	N17KDN1	10	8.5	8			8.3	7.6	8.1	Tám phẩy Một	
27	1712219907	Nguyễn Lê Quỳnh Trang	N17KDN1	10	8.5	9.5			9.0	8.6	8.9	Tám phẩy Chín	
28	1713219911	Nguyễn Ngọc Tú	N17KDN1	10	10	10			10.0	8.8	9.3	Chín phẩy Ba	
29	1713219917	Nguyễn Quốc Việt	N17KDN1	8	8.5	7			7.8	9	8.5	Tám phẩy Năm	
30	1712219825	Trần Thị Kim Anh	N17KDN1	10	8.5	10			9.3	7.5	8.3	Tám phẩy Ba	
31	1712219823	Đỗ Thị Yến Anh	N17KDN1	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
32	1712219830	Nguyễn Ngọc Bích	N17KDN1	10	9	10			9.5	8.8	9.1	Chín phẩy Một	
33	1713219832	Trần Minh Cang	N17KDN1	8	8.5	8.5			8.5	7.1	7.6	Bảy phẩy Sáu	
34	1712219833	Ngô Thị Lan Chi	N17KDN1	10	8.5	9.5			9.0	7.7	8.3	Tám phẩy Ba	
35	1713219842	Nguyễn Việt Dũng	N17KDN1	7	5.5	7.5			6.5	6.7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
36	1713219854	Đặng Trung Hiếu	N17KDN1	9	9	10			9.5	7.3	8.1	Tám phẩy Một	
37	1713219858	Nguyễn Ngọc Hùng	N17KDN1	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
38	1712219861	Mai Nguyễn Hoài Linh	N17KDN1	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
39	1713219867	Lê Vũ Lương	N17KDN1	6	8	8			8.0	6.1	6.7	Sáu phẩy Bảy	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

MÃ MÔN:

TÊN MÔN:

Ngày thi: 28/12/2012

BẢNG GHI ĐIỂM N17KDN
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ

STA 2271

Tín chỉ: 2

Học kì: 2

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
40	1713219870	Lưu Ngọc	Minh	N17KDN1	10	8	10		9.0	6.7	7.7	Bảy phẩy Bảy	
41	1712219873	Võ Thị Quỳnh	Ngân	N17KDN1	9	8.5	6.5		7.5	5.8	6.6	Sáu phẩy Sáu	
42	1712219875	Nguyễn Thị	Nhi	N17KDN1	8	9.5	7.5		8.5	6.8	7.4	Bảy phẩy Bốn	
43	1712219880	Phạm Thị Ánh	Phúc	N17KDN1	8	9.5	10		9.8	7	7.9	Bảy phẩy Chín	
44	1712219885	Lê Thị Thu	Sang	N17KDN1	9	7.5	9.5		8.5	9	8.9	Tám phẩy Chín	
45	1712219888	Nguyễn Thị Bích	Thành	N17KDN1	8	8.5	7.5		8.0	6.4	7.0	Bảy	
46	1712219890	Nguyễn Thị Nam	Thảo	N17KDN1	9	8.5	9.5		9.0	9	9.0	Chín	
47	1713219891	Võ Nguyễn Minh	Thiên	N17KDN1	9	6.5	7		6.8	7.7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
48	1712219893	Phạm Thị Ánh	Thu	N17KDN1	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
49	1712219901	Bùi Thị	Thủy	N17KDN1	10	7	9		8.0	9.4	9.0	Chín	
50	1712219902	Nguyễn Thị Thu	Thủy	N17KDN1	8	8	7.5		7.8	7.9	7.9	Bảy phẩy Chín	
51	1712219910	Lê Thị Mỹ	Trình	N17KDN1	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
52	1712219914	Hồ Thị Ánh	Tuyết	N17KDN1	10	7	10		8.5	8.6	8.7	Tám phẩy Bảy	
53	1712219915	Nguyễn Thị Hồng	Vân	N17KDN1	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
54	1713219919	Phan Thanh	Vũ	N17KDN1	7	7	6		6.5	4.7	0.0	Không	
55	1712219819	Ngô Thị	Ái	N17KDN2	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
56	1713219824	Nguyễn Hồng	Anh	N17KDN2	8	9.5	7.5		8.5	8	8.2	Tám phẩy Hai	
57	1713219837	Nguyễn Anh	Đức	N17KDN2	9	7	7.5		7.3	HP	0.0	Không	HP
58	1713219836	Phan Minh Giác	Đức	N17KDN2	10	9	10		9.5	8.4	8.9	Tám phẩy Chín	
59	1713219838	Nguyễn Minh	Đức	N17KDN2	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
60	1712219839	Trần Thị Thanh	Dung	N17KDN2	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
61	1712219846	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	N17KDN2	8	7	7.5		7.3	6.3	6.8	Sáu phẩy Tám	
62	1712219850	Bùi Diễm	Hằng	N17KDN2	8	8.5	8.5		8.5	7.7	8.0	Tám	
63	1712219855	Hồ Khánh	Hòa	N17KDN2	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
64	1713219856	Trần Nhật	Hoàng	N17KDN2	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
65	1712219859	Lê Phan Thùy	Hương	N17KDN2	7	5.5	9.5		7.5	7.7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
66	1713219865	Đinh Hoàng	Long	N17KDN2	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
67	1712219868	Phạm Thị Nhã	Mân	N17KDN2	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
68	1712219872	Trần Thị	Nga	N17KDN2	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
69	1712219881	Phí Thị Minh	Phương	N17KDN2	8	7.5	9		8.3	4.6	0.0	Không	
70	1713219887	Nguyễn Văn	Sơn	N17KDN2	7	7	8		7.5	6.9	7.1	Bảy phẩy Một	
71	1713114743	Nguyễn Hà Công	Thành	N17KDN2	8	8.5	8.5		8.5	5.4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
72	1712219892	Nguyễn Thị Kim	Thoa	N17KDN2	9	7.5	8.5		8.0	5.7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
73	1712219895	Nguyễn Trần Ninh	Thuận	N17KDN2	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
74	1712219896	Nguyễn Thị	Thương	N17KDN2	10	8	10		9.0	9	9.1	Chín phẩy Một	
75	1713219906	Phan Thanh	Toàn	N17KDN2	10	6	6.5		6.3	4.9	0.0	Không	
76	1712219908	Nguyễn Thị	Trang	N17KDN2	10	7.5	8		7.8	6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
77	1713219913	Hoàng Minh	Tuấn	N17KDN2	6	6	7.5		6.8	6.8	6.7	Sáu phẩy Bảy	
78	1712219916	Nguyễn Thị Thanh	Vân	N17KDN2	9	7.5	10		8.8	8	8.3	Tám phẩy Ba	
79	1712219921	Nguyễn Thị Thảo	Vy	N17KDN2	8	7	6.5		6.8	6.3	6.6	Sáu phẩy Sáu	
80	1712219923	Cao Như	Ý	N17KDN2	0	0	0		0.0	0	0.0	Không	Cấm thi

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

MÃ MÔN:

TÊN MÔN:

Ngày thi:

28/12/2012

BẢNG GHI ĐIỂM N17KDN
KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN HỌC/MÔ ĐUN

NGUYÊN LÝ THỐNG KÊ KINH TẾ

STA 2271

Tín chỉ: 2

Học kì: 2

Lần thi: 1

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
81	1712219924	Lương Thị Như	Ý	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
82	1713219822	Nguyễn Hồng	Ân	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
83	1712219826	Trần Tịnh Quỳnh	Anh	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
84	1713219827	Trần Thế	Anh	N17KDN2	8	8.5	6			7.3	4.8	0.0	Không	
85	1712219831	Phạm Thị	Bốn	N17KDN2	9	7	9.5			8.3	7.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
86	1713219843	Phạm Hoài	Dương	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
87	1713219845	Trần	Duy	N17KDN2	10	7	9.5			8.3	6.6	7.5	Bảy phẩy Năm	
88	1712219848	Phạm Trần Thu	Hà	N17KDN2	7	5.5	7.5			6.5	5.7	6.1	Sáu phẩy Một	
89	1712219849	Vương Mỹ	Hằng	N17KDN2	10	9	6			7.5	5.8	6.7	Sáu phẩy Bảy	
90	1712219853	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
91	1712219860	Đinh Thị Thu	Hương	N17KDN2	7	5.5	8			6.8	3.5	0.0	Không	
92	1713219862	Phạm Vũ	Linh	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
93	1712219863	Võ Thị Mỹ	Linh	N17KDN2	9	7.5	9			8.3	8.4	8.4	Tám phẩy Bốn	
94	1712219866	Đỗ Thị Hiền	Lương	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
95	1712219871	Nguyễn Thị Trúc	My	N17KDN2	9	8.5	9			8.8	8.2	8.5	Tám phẩy Năm	
96	1712219876	Huỳnh Nguyễn Hoài	Như	N17KDN2	8	7.5	8.5			8.0	6.9	7.3	Bảy phẩy Ba	
97	1712219883	Phạm Thị	Phương	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
98	1713219884	Lê Viết Hoàn	Sang	N17KDN2	6	7	6			6.5	6.3	6.3	Sáu phẩy Ba	
99	1712219894	Võ Thị Hoài	Thu	N17KDN2	9	8	9.5			8.8	8.3	8.5	Tám phẩy Năm	
100	1712219898	Đậu Thị Thu	Thúy	N17KDN2	10	9	7			8.0	9	8.8	Tám phẩy Tám	
101	1712219899	Trần Thị	Thủy	N17KDN2	8	4	8.5			6.3	6.4	6.5	Sáu phẩy Năm	
102	1712219904	Trần Lê Thủy	Tiên	N17KDN2	9	6.5	8.5			7.5	6.1	6.8	Sáu phẩy Tám	
103	1713219905	Nguyễn Tấn	Toàn	N17KDN2	10	9	8.5			8.8	6.4	7.5	Bảy phẩy Năm	
104	1713219909	Lê Quang	Trí	N17KDN2	5	7	5			6.0	6.3	6.1	Sáu phẩy Một	
105	1713219912	Nguyễn Lê Anh	Tú	N17KDN2	8	8.5	5.5			7.0	7.6	7.5	Bảy phẩy Năm	
106	1713219918	Phạm Thanh	Việt	N17KDN2	7	7	9			8.0	V	0.0	Không	
107	1712219920	Nguyễn Thị Thúy	Vy	N17KDN2	0	0	0			0.0	0	0.0	Không	Cấm thi
108	1713219922	Phan Nhật	Vỹ	N17KDN2	5	4	0			2.0	0	0.0	Không	Cấm thi

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	69	64%	
2	Số sinh viên nợ	39	36%	
TỔNG CỘNG :		108	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA

(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2013

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Hữu Phú